

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **43/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-8-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Văn Khuyến**

Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký phiên tòa: **Bà Vũ Thị D** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Bùi Quang Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2022/TLST - HNGĐ ngày 24/3/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Bà Thị Lý L**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

*** Bị đơn:** **Ông Điều Thành X**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thị Lý L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Điều Thành X tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Phú Riềng.

Trong thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tính không hợp nhau, thường hay bất đồng quan điểm, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X.

- *Về con chung*: Bà và ông X có 02 con chung là Thị Lý D – sinh ngày 13/8/2010 và Điều Thành S – sinh ngày 05/7/2014.

Nếu Tòa án giải quyết cho bà và ông X ly hôn, bà đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có

- *Về nợ chung*: Không có

*** Bị đơn ông Điều Thành X trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do nhiều khi ông có uống rượu quá chén và kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã và thường xuyên bắt đồng quan điểm sống với nhau. Ông xác định mâu thuẫn đã lâu, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

- *Về con chung*: Ông và bà L có 02 con chung là Thị Lý D – sinh ngày 13/8/2010 và Điều Thành S – sinh ngày 05/7/2014.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý để bà L nuôi dưỡng cả hai con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có

- *Về nợ chung*: Không có

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Thị Lý L được ly hôn với ông Điều Thành X; Giao 02 con chung là Thị Lý D – sinh ngày 13/8/2010 và Điều Thành S – sinh ngày 05/7/2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình do nguyên đơn bà Thị Lý L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Điều Thành X theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự, bị đơn cư trú tại xã B, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn ông Điều Thành X vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 2 lần vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn bà Thị Lý L có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Lý L và ông Điều Thành X xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phước Long (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước vào ngày 26/5/2009. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà L và ông X đều có lời khai xác định cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của đương sự, xử cho bà L, ông X được ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật và ý chí, nguyện vọng của đương sự.

Về con chung: Có 02 con chung là Thị Lý D – sinh ngày 13/8/2010 và Điều Thành S – sinh ngày 05/7/2014. Các bên đương sự đều thống nhất giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Thị Lý L được ly hôn với ông Điều Thành X.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là Thị Lý D – sinh ngày 13/8/2010 và Điều Thành S – sinh ngày 05/7/2014 cho bà Thị Lý L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Điều Thành X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thị Lý L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015687 ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải